TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/KDTM-PT
Ngày: 27/4/2021
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Hoàng Minh Thành và ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Thư ký Tòa án phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: ông Trần Chí Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 280/2020/TLST-KDTM ngày 17/12/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXX- PT ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT**

Trụ sở: số ….. Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường …., quận …., thành phố HCM; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang T- Giám đốc chi nhánh TT, bà Phan Thị P- Trưởng phòng kiểm soát rủi ro (địa chỉ chi nhánh số….phố G, thị trấn TT, huyện TT, TP HN) (vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Công ty TNHH vận tải thương mại và du lịch QT**

Trụ sở: thôn QT, xã HH, huyện TT, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Duy P- Giám đốc (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đỗ Duy K, sinh năm 1970;

- Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974.

- Anh Đỗ Duy V, sinh năm 1969;

- Cháu Đỗ Minh N, sinh năm 1996;

- Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1974.

Đều trú tại: thôn QT, xã HH, huyện TT, TP HN (ông K có mặt tại phiên tòa, chị H, anh V, chị L, cháu N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày như sau:

Ngày 20/08/2015, Công ty TNHH vận tải thương mại và du lịch QT (sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký các hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1523200068 ngày 20/8/2015, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 12/5/2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02 ngày 17/11/2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03 ngày 22/3/2018, với nội dung nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng cho bị đơn là 1.880.000.000 đồng. Thời hạn nhận tiền đến hết ngày 19/8/2018, lãi suất được xác định cho từng lần giải ngân và ghi trên từng giấy nhận nợ.

Ngày 14/5/2018, nguyên đơn và bị đơn ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04, giảm hạn mức cấp tín dụng xuống còn 1.460.000.000 đồng. Thực hiện các hợp đồng này, nguyên đơn đã cho vay và bị đơn đã ký giấy nhận nợ số 2203 ngày 22/03/2018, số tiền nhận nợ là 1.880.000 đồng. Lãi suất là 9,5%/năm áp dụng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký giấy nhận nợ, lãi suất thay đổi 3 tháng một lần bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ VNĐ của nguyên đơn + biên độ 2,5%/năm. Hạn trả nợ là ngày 21/7/2018.

Theo Hợp đồng thế chấp số LD 1219500021/HĐTC5 ngày 19/5/2014 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày 21/8/2015, Hợp đồng thế chấp số LD1219500021/HDTC4 ngày 19/5/2014 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày 21/8/2015 để bảo đảm nghĩa vụ cho khoản vay của bị đơn, các bên bảo đảm đã thế chấp tài sản của mình như sau:

Tài sản thứ nhất: anh Đỗ Duy K và chị Nguyễn Thanh H thế chấp cho nguyên đơn bất động sản có diện tích 181 m^2 tại thửa đất số 178 (B), tờ bản đồ … ở xã HH, huyện T T, TP Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số …. do UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) cấp cho anh Đỗ Duy K ngày 26/06/2003, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số …. QSDĐ/609 QĐUB-H2003.

Tài sản thứ hai: ông Đỗ Duy V thế chấp cho Ngân hàng bất động sản có diện tích 183 m^2 tại thửa đất số …, tờ bản đồ … ở …. có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ ….do UBND huyện TT, TP Hà Nội cấp cho ông Đỗ Duy V ngày 03/11/2009, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất …..

Theo Giấy nhận nợ ngày 22/3/2018, thì khoản vay của bị đơn đến hạn thanh toán vào ngày 21/7/2018. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo yêu cầu trả nợ vay đến bị đơn và các bên bảo đảm, nhưng bị đơn và các bên bảo đảm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ bảo đảm cho nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ, tính đến ngày

04/9/2020, gồm nợ gốc 1.210.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.020.000 đồng, lãi quá hạn 445.248.123 đồng và lãi phạt tính trên lãi chậm trả 429.458 đồng. Tổng nợ là 1.657.697.581 đồng. Ngoài ra, bị đơn tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc và lãi kể từ ngày 05/9/2020 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng, giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ.

Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, đề nghị Tòa án cho phát mại ngay toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản vay để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Nếu sau khi bán tài sản bảo đảm mà không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn.

Qua các lời khai, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là anh Đỗ Duy Phương trình bày:

Anh Đỗ Duy P thừa nhận về việc quá trình vay nợ và dư nợ như nguyên đơn cung cấp là chính xác. Tuy nhiên, anh Phương đề nghị nguyên đơn miễn giảm 01 phần tiền lãi, kéo dài thời gian trả nợ cho bị đơn. Bị đơn cam kết đến hết tháng 12/2020 sẽ trả khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của anh Đỗ Duy V, đến tháng 8/2021 sẽ trả khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của anh Đỗ Duy K. Nếu không trả được nợ như cam kết trên thì nguyên đơn có quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Anh Đỗ Duy V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Nghĩa vụ trả nợ thuộc về bị đơn. Anh V đề nghị nguyên đơn miễn giảm toàn bộ lãi quá hạn cho bị đơn. Đến tháng 02/2021, anh V sẽ hỗ trợ cùng với bị đơn thanh toán 450.000.000 đồng nợ gốc (phần nợ gốc được bảo đảm bằng tài sản của anh V). Nếu đến tháng 02/2021, anh V cùng với bị đơn không thanh toán được nợ, nguyên đơn yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp anh V nhất trí không có ý kiến gì. Trên tài sản đã thế chấp có anh V và vợ là chị Đỗ Thị sinh sống. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên như thời điểm thế chấp, không phát sinh thay đổi, mua bán chuyển nhượng gì.

Anh Đỗ Duy K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Việc gia đình anh K cho anh P (là em trai anh K và anh V) mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm ăn nên bị đơn và anh Phương phải có trách nhiệm trả nợ, anh K chỉ hỗ trợ được một phần. Trường hợp bị đơn không trả được nợ, anh K xin trả khoản nợ gốc được bảo đảm bằng tài sản của anh K là 760.000.000 đồng trong vòng 6 tháng. Anh K đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ nợ lãi cho bị đơn. Trên tài sản thế chấp có vợ chồng anh K , chị Hằng và 2 con là Đỗ Minh N sinh năm 1996 và Đỗ Minh N sinh năm 2004 sinh sống, ngoài ra không có ai khác. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên như thời điểm thế chấp, không phát sinh thay đổi, mua bán chuyển nhượng gì, không tranh chấp gì. Nếu không trả được 760.000.000 đồng sau 6 tháng, anh K đồng ý để nguyên đơn kê biên phát mại tài sản thế chấp.

Chị Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Việc gia đình tôi cho anh P mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm ăn nên bị đơn do anh P là người đại diện theo pháp luật phải có trách nhiệm trả nợ, anh K chỉ hỗ trợ được một phần. Chị H đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ nợ lãi cho bị đơn. Anh chị xin được trả khoản nợ gốc được bảo đảm bằng tài sản của anh K , chị Hằng là 760.000.000 đồng. Trên tài sản thế chấp có vợ chồng anh K , chị H và 2 con sinh sống, ngoài ra không có ai khác. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên như thời điểm thế chấp, không phát sinh thay đổi, mua bán chuyển nhượng gì. Chị H không đồng ý để nguyên đơn kê biên phát mại tài sản thế chấp.

Chị Đỗ Minh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Việc bố mẹ chị N cho anh Đỗ Duy P mượn sổ đỏ để thế chấp chị N không được biết và cũng không đồng ý. Anh K cho anh P mượn sổ để vay vốn làm ăn thì anh P phải có trách nhiệm với khoản vay đó vì đây là mảnh đất cả gia đình đang sinh sống nên chị không đồng ý phát mại tài sản.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/DS- ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 04/9/2020 gồm nợ gốc 1.210.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.020.000 đồng, lãi quá hạn 445.248.123 đồng và tiền phạt vi phạm tính trên lãi chậm trả 429.458 đồng. Tổng số là 1.657.697.581 đồng.

Kể từ ngày 05/9/2020, bị đơn vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng đã ký và giấy nhận nợ.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, đối với các tài sản gồm:

- Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 178 (B), diện tích 181 m^2, tờ bản đồ ….. có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ….. do UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) cấp cho anh Đỗ Duy K ngày 26/06/2003, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số …. QSDĐ/609 QĐUB-H2003, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1219500021/HĐTC4 ngày 19/05/2014, số công chứng 1332 lập tại Phòng công chứng số….., TP Hà Nội và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01 ngày 21/08/2015, số công chứng 2456 lập tại Phòng công chứng số 7 TP Hà Nội. Tính hết ngày 04/9/2020, tài sản này được đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là 760.000.000 đồng nợ gốc, lãi quá hạn 244.790.795 đồng và tiền phạt vi phạm tính trên lãi chậm trả 237.700 đồng, lãi trong hạn 1.051.507 đồng. Tổng số là 1.006.080.001 đồng. Và tài sản này còn phải bảo đảm cho khoản lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc được bảo đảm mà chưa trả, tính từ ngày 05/9/2020 theo lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với

nguyên đơn đã được xác định trong vụ án này.

- Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất vào tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ …., diện tích 183 m^2 ….. có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ….. do UBND huyện Thường Tín, TP Hà Nội cấp cho anh Đỗ Duy V ngày 03/11/2009, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ….., theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1219500021/HĐTC5 ngày 19/05/2014, số công chứng 1331 lập tại Phòng công chứng số …., TP Hà Nội và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01 ngày 21/08/2015, số công chứng 2453 lập tại Phòng công chứng số ….TP Hà Nội. Tài sản này được đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 04/9/2020 là 450.000.000 đồng nợ gốc, lãi quá hạn 200.457.329 đồng, tiền phạt vi phạm tính trên lãi chậm trả 191.758 đồng, lãi trong hạn 968.493 đồng. Tổng số là 651.617.580 đồng. Và tài sản này còn phải bảo đảm cho khoản lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc được bảo đảm mà chưa trả, tính từ ngày 05/9/2020 theo lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn đã được xác định trong vụ án này.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Lân, chị Đỗ Thị Minh Nguyệt kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm xác định khoản tiền mà bị đơn phải trả nguyên đơn là không phù hợp. Không đồng ý về việc cho phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51 và 178B, tờ bản đồ số 5, thôn Quang Trung, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có Đơn rút yêu cầu khởi kiện vì giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tất toán khoản nợ với nhau. Các bên không còn tranh chấp nên nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Anh Đỗ Duy K đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày là giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có thỏa thuận với nhau về việc thanh toán các khoản nợ với nhau. Cụ thể là bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.490.000.000 đồng. Nguyên đơn đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng và đã trả lại hai Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh K , chị H và anh V, chị N. Hiện nay hai gia đình đang đi làm thủ tục giải chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thay mặt cho gia đình anh K đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án và sửa lại phần án phí cho bị đơn, không buộc những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm: các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa lại Bản án sơ thẩm cho các đương sự về phần án phí sơ thẩm và không buộc người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có trụ sở tại huyện Thường Tín nên theo quy định tại các điều 30, 35, 38 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP Hà Nội giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của các đương sự là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa lại phần án phí sơ thẩm cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận sửa lại Bản án sơ thẩm.

Về án phí: sửa lại án phí sơ thẩm mà bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do sửa Bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 38, 39, 293, 294, 300, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 352, 357 và 429 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH vận tải thương mại và du lịch QT và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.490.000.000 (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng và đã trả lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Đỗ Duy K , chị Nguyễn Thanh H và anh Đỗ Duy V, chị Đỗ Minh N.

3. Về án phí:

a. Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH vận tải thương mại và du lịch QT chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.700.000 (năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng;

- Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.082.000 (mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án huyện Thường Tín theo Biên lai thu tiền số 12276 ngày 21/5/2020.

b. Án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả bà Đỗ Thị L và chị Đỗ Thị Minh N mỗi người 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo hai Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 12430, 12431 ngày 14/9/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Tín;

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Lưu HS, VP, HCTP và TKT.